

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN L
TỈNH T HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HS-ST

Ngày 27/3/2023

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN L, TỈNH T HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công

Các Hội thẩm N dân: Ông Phạm Văn Nhất

Bà Lê Thị Thiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Huyền - Thư ký Tòa án N dân huyện Láng Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện L, tỉnh T Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án N dân huyện L, tỉnh T Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/HSST - QĐ ngày 13/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/HSST - QĐ ngày 03/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/HSST - QĐ ngày 27/02/2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2023/TB - TA ngày 20/3/2023.

Đối với các bị cáo:

1. **Phạm Tuấn Đ**, sinh ngày 25/5/1979 tại: Xã Đ, huyện L, tỉnh T Hóa; nơi Đ ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh T Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Tuấn T (đã chết); con bà Phạm Thị C; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Phạm Thị N, sinh năm 1982, có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2022 đến nay; có mặt.

2. **Phạm Văn T**, sinh ngày 10/3/1993 tại: Xã Đ, huyện L, tỉnh T Hóa; nơi

Đ ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh T Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn D; con bà Phạm Thị T; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu; có vợ là Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1989, có 01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2022 đến nay; có mặt.

3. Phạm Xuân C, sinh ngày 05/8/1986 tại: Xã Đ, huyện L, tỉnh T Hóa; nơi Đ ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh T Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn G; con bà Lê Thị N; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2022 đến nay; có mặt.

4. Lê Chí T, sinh ngày 12/6/1984 tại: Xã Đ, huyện L, tỉnh T Hóa; nơi Đ ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh T Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn H; con bà Lê Thị N; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; Chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2022 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Tuấn Đ: Bà Lê Thị Thu Vân -Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 02, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T Hóa. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Xuân C: Ông Đặng Văn Dương -Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 02, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T Hóa. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trương Văn V, sinh năm 1987; Vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm K, xã N, huyện T, tỉnh N.

2. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1982; Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh T Hóa.

NỘI D V U ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

- Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 05/5/2022, Phạm Tuấn Đ đã gọi điện thoại rủ Phạm Văn T (đều là người nghiện ma túy) đi mua ma túy để sử dụng. Đến 19 giờ cùng ngày, Đ sử dụng xe mô tô nhãn hiệu HONDA, kiểu loại Wave, biển số Đ ký 36H1-053.00 cùng T đi đến thị trấn N, huyện N. Khi đi đến đoạn đường Hồ Chí Minh, thuộc khu phố N, thị trấn N, huyện N, Đ đã đưa cho T điện thoại di động của mình, số tiền 3.500.000đ và dặn T gọi vào số điện thoại 0866449246 để hỏi mua ma túy, sau đó Đ xuống xe mô tô để đi mua thức ăn. T một mình điều khiển xe mô tô đi tiếp một đoạn rồi sử dụng điện thoại Đ đưa gọi vào số 0866449246 để hỏi mua ma túy. Khoảng 07 phút sau có một nam T niên không rõ danh tính một mình điều khiển xe mô tô đến đưa cho T 01 gói ma túy và nhận từ T số tiền 3.500.000đ. Sau khi mua được ma túy, T điều khiển xe mô tô quay lại đưa điện thoại di động và số ma túy vừa mua được cho Đ rồi cả hai cùng điều khiển xe đi về nhà. Trên đường về, đến khu vực núi đá thuộc thôn Nê Cẩm, xã Đ, Đ và T dừng xe lại lấy một ít ma túy vừa mua được ra cùng sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, Đ cho T một ít để mang về sử dụng. Sáng ngày 06/5/2022, T đã sử dụng hết số ma túy này. Đối với số ma túy còn lại, Đ chia nhỏ thành những gói khác nhau rồi cất giấu nhằm mục đích sử dụng cho bản thân và bán cho những người nghiện ma túy khác để kiếm lời.

- Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 06/5/2022, Phạm Xuân C đang đi bộ thì gặp Lê Chí T đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, biển số Đ ký 94B1-225.97, nên nhờ T chở ra thị trấn L, huyện L. Trên đường đi C mượn điện thoại di động của T để gọi điện cho Đ nói “*Anh Cò Đ à, còn hàng không để cho em 300.000đ*”(Cò Đ là tên gọi theo con của Phạm Tuấn Đ; “hàng” ý muốn nói là ma túy). Đ đồng ý bán ma túy cho C, nên C nói với T “*Chạy xuống luôn đi*”. Do nghe được nội D cuộc điện thoại và T cũng quen biết Đ từ trước, mặt khác T hiểu ý của C bảo T điều khiển xe mô tô là xuống nhà Đ để mua ma túy, nên T đã điều khiển mô tô đưa C xuống thôn X, xã Đ. Tại vườn luống gần nhà Phạm Tuấn Đ, C đã sử dụng số tiền 300.000đ của mình để mua ma túy với Đ, sau khi mua được ma túy T điều khiển xe mô tô chở C quay về thôn C, xã Đ để tìm nơi cùng sử dụng ma túy thì bị Tổ Công tác Công an huyện L phát hiện, bắt quả tang hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ trên tay phải C 01 gói giấy, bên trong có chứa chất bột màu trắng (nghỉ là ma túy), Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành niêm phong toàn bộ vật chứng trong phong bì ký hiệu C1 để phục vụ xác minh, điều tra vụ việc. Theo khai báo của C và T, chất bột màu trắng Tổ công tác đã thu giữ là ma túy, loại heroine vừa mua với Phạm Tuấn Đ với giá 300.000đ để về cùng sử dụng.

- Thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Phạm Xuân C, Lê Chí T và Phạm Tuấn Đ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L thu giữ trên ô thoáng cửa chính phòng ngủ của gia đình Phạm Tuấn Đ gồm: 04 gói giấy bên trong mỗi gói giấy có chứa chất bột màu trắng (nghi là ma túy); 01 gói ni lông màu xanh, bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng (nghi là ma túy), Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành niêm phong toàn bộ số vật chứng này trong phong bì ký hiệu Đ1 để phục vụ xác minh, điều tra vụ việc. Tại nơi ở của C, T, Cơ quan cảnh sát điều tra không phát hiện, thu giữ được tài liệu, đồ vật gì liên quan đến vụ việc. Theo khai nhận của Đ số chất bột màu trắng thu giữ trong quá trình bắt quả tang C, T và quá trình khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Đ là ma túy, loại Heroine mà Đ và Phạm Văn T, sin năm 1993 người cùng thôn X đi mua tại huyện N. Thực hiện khám xét khẩn cấp nơi ở của T, Cơ quan điều tra không thu giữ được tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ việc.

- Tại bản kết luận giám định số 1661/KL-KTHS ngày 11/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T Hoá kết luận :

- Chất bột màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu C1 gửi giám định là ma túy, có tổng không lượng (trọng lượng) 0,173g, loại: Heroine.

- Chất bột màu trắng đựng trong 04 gói giấy của phong bì niêm phong ký hiệu Đ1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,292g, loại: Heroine.

- Chất bột màu trắng đựng trong 01 gói ni lông màu xanh của phong bì niêm phong ký hiệu Đ1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 1,246g, loại: Heroine.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 phong bì mẫu vật sau giám định do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đ, Lê Văn Tuấn và các dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T Hóa;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, model (kiểu loại) CPH2185, màu tím than, thu của Phạm Tuấn Đ;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, model (kiểu loại) Reno4, màu xanh, thu của Lê Chí T;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI, model (kiểu loại) Redmi 5A, màu vàng – trắng, thu của Phạm Văn T.

Các vật chứng trên hiện đang được bảo quản theo quy định của pháp luật

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave, màu sơn Xanh – Đen – Bạc, biển kiểm soát 36H1-05300, xe đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định xe mô tô này là tài sản của chị Phạm Thị N (*Vợ bị cáo Phạm Tuấn Đ*), chị N không biết Đ sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị N.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu sơn Trắng – Xám, biển kiểm soát 94B1-225.97, xe đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô, xe máy số 008499 mang tên Phạm Tuấn Linh. Quá trình điều tra xác định xe mô tô và giấy chứng nhận Đ ký xe là tài sản của anh Trương Văn V, sinh năm 1987, xóm Kéo, xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An cho Lê Chí T mượn. Anh V không biết T sử dụng xe mô tô của mình vào việc phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trương Văn V.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS-LC ngày 11/10/2022 Viện kiểm sát N dân huyện L đã truy tố: Bị cáo Phạm Tuấn Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Xuân C và Lê Chí T “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội D Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo Đ và bị cáo C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, N thân của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Tuấn Đ phạm tội “mua bán trái phép chất ma túy”; Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Xuân C và Lê Chí T phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt đề nghị:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Tuấn Đ.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn Đ từ 40 (bốn mươi) tháng tù đến 43 (bốn mươi ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2022.

- Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Xuân C và Lê Chí T.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 27 (hai mươi bảy) tháng tù đến 30 (ba

mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2022.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Xuân C từ 18 (mười tám) tháng tù đến 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2022.

+ Xử phạt bị cáo Lê Chí T từ 18 (mười tám) tháng tù đến 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2022.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 phong bì mẫu vật sau giám định do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đ, Lê Văn Tuấn và các dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T Hóa;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, model (kiểu loại) CPH2185, màu tím than, thu của Phạm Tuấn Đ;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, model (kiểu loại) Reno4, màu xanh, thu của Lê Chí T;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI, model (kiểu loại) Redmi 5A, màu vàng – trắng, thu của Phạm Văn T.

Truy thu của Phạm Tuấn Đ 300.000 đ sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Phạm Tuấn Đ và Phạm Xuân C. Buộc các bị cáo Phạm Văn T và Lê Chí T phải chi án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Tuấn Đ và bị cáo Phạm Xuân C thống nhất với quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát như trình bày ở trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò, N thân, nhận thức, hoàn cảnh và các tình tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự của các bị cáo khi phạm tội để xử các bị cáo mức hình phạt thấp nhất, miễn hình phạt bổ sung và án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan

điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Văn V và chị Phạm Thị N là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xét thấy trong quá trình điều tra quyền và nghĩa vụ của anh V và chị N đã được giải quyết triệt để, anh V và chị N không có ý kiến gì vì vậy tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chỉ đưa anh V và chị N tham gia với tư cách là người làm chứng.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Vào hồi 10 giờ 40 phút ngày 06/5/2022, tại đoạn đường Quốc lộ 15A thuộc thôn Cui, xã Đ, huyện L, Phạm Xuân C và Lê Chí T bị tổ công tác Công an huyện L, bắt quả tang, thu giữ trên tay phải C 01 gói giấy bên trong có chứa chất bột màu trắng ngà mục đích C và T để cùng sử dụng. Kết quả giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,173 gam, loại Heroine.

Quá trình điều tra xác định, số ma túy trên C và T mua của Phạm Tuấn Đ. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đ, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ: 04 gói giấy màu trắng và 01 gói giấy ni lông màu xanh bên trong đều chứa chất bột màu trắng ngà, mục đích Đ cất giữ để sử dụng cho bản thân và bán cho người khác kiếm lời. Kết luận giám định là ma túy có tổng khối lượng 1,538g, loại Heroine. Theo kết quả điều tra số ma túy này là Đ và Phạm Văn T mua của một người đàn ông không quen biết tại thị trấn N, huyện N. Khi đi mua ma túy Đ không cho T biết mục đích mua ma túy để bán kiếm lời, T và Đ đều là đối tượng nghiện ma túy, nên T nghĩ Đ rủ mình đi mua ma túy để mang về cùng sử dụng. Như vậy tổng số ma túy Đ mua bán trái phép và T tàng trữ trái phép là 1,711g bao gồm: số ma túy Đ bán cho C, T và số ma túy thu giữ tại nhà Đ.

Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Bị cáo Phạm Tuấn Đ bán 0,173 g ma túy loại Heroin cho C và T đồng thời cất giấu tại nơi ở 1.538 g ma túy loại Heroin nhằm

mục đích vừa sử dụng, vừa bán kiếm lời, tổng khối lượng ma túy Đ vừa sử dụng, vừa bán là 1,711 g; Phạm Văn T không biết mục đích của Đ là mua ma túy về vừa sử dụng, vừa bán kiếm lời nhưng tiếp nhận ý chí của Đ về việc mua ma túy về để cả hai cùng sử dụng, T đã cầm tiền, điện thoại, xe máy của Đ để liên lạc mua ma túy về và cùng Đ sử dụng, toàn bộ số ma túy 1,711 g Heroin thu được tại nơi ở của Đ và thu trong tay C đều có nguồn gốc do T đi mua về; C và T cùng nhau đi mua 0,173 g ma túy của Đ về để cùng sử dụng. Do đó, hành vi của bị cáo Đ đã đủ cấu thành tội “mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo T, C, T đã đủ cấu thành tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát N dân huyện L truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng.

[4] Xét N thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo đều có N thân tốt, lần đầu phạm tội và không có tình tiết tăng nặng trách Nệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử đều cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần thiết xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Từ những nhận xét, đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tội phạm ma túy đang có diễn biến phức tạp và chiều hướng gia tăng. Ma túy đã gây tác hại to lớn đối với con người và cộng đồng, là nguyên N làm mất trật tự, an toàn xã hội, là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội, gia tăng các loại tội phạm khác. Vì vậy, hình phạt đối với tội phạm về ma túy cần phải nghiêm khắc, mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này. Xét tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện là nghiêm trọng nên cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249; khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét hoàn cảnh các bị cáo đều là người lao động tự do, nghiện ma túy, không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ

sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- [6.1] Đối với vật chứng: 01 phong bì mẫu vật sau giám định do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đ, Lê Văn Tuấn và các dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T Hóa. Đây xác định là các công cụ phạm tội hoặc đồ vật có liên quan đến vụ án, vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành, hiện không còn giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[6.2] Đối với các vật chứng:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, model (kiểu loại) CPH2185, màu tím than, thu của Phạm Tuấn Đ;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, model (kiểu loại) Reno4, màu xanh, thu của Lê Chí T;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI, model (kiểu loại) Redmi 5A, màu vàng – trắng, thu của Phạm Văn T.

Đều là các công cụ phạm tội hoặc đồ vật có liên quan đến vụ án, đang còn giá trị nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Toàn bộ số tang vật trên hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 300.000 đ Đ bán ma túy cho C, Đ đã chi tiêu cá N hết, đây là số tiền thu lời bất chính do phạm tội mà có nên cần truy thu để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về các tình tiết khác liên quan đến vụ án:

Quá trình điều tra, Phạm Tuấn Đ và Phạm Văn T khai báo đã gọi điện thoại đến số thuê bao 0866449246 để mua ma túy với một nam T niên không quen biết và không rõ lai lịch tại thị trấn N, huyện N. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L mở rộng điều tra, xác minh nhưng đến nay không đủ thông tin để điều tra, làm rõ đối tượng đã bán ma túy cho Đ và T nên không có căn cứ xử lý.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave, màu sơn Xanh – Đen – Bạc, biển kiểm soát 36H1-05300, xe đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định xe mô tô này là tài sản của chị Phạm Thị N (vợ bị cáo Đ), chị N không biết Đ sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho chị N là phù hợp;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu sơn Trắng – Xám, , biển kiểm soát 94B1-225.97, xe đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận Đ ký xe

mô tô, xe máy số 008499 mang tên Phạm Tuấn Linh. Quá trình điều tra xác định xe mô tô và giấy chứng nhận Đ ký xe là tài sản của anh Trương Văn V, cho Lê Chí T mượn. Anh V không biết T sử dụng xe mô tô của mình vào việc phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho anh V là phù hợp;

[8] Về án phí: Các bị cáo Phạm Tuấn Đ và Phạm Xuân C là người thuộc hộ nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm; Các bị cáo Phạm Văn T và Lê Chí T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Tuấn Đ.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Xuân C, Lê Chí T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Tuấn Đ phạm tội “mua bán trái phép chất ma túy”; Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Xuân C và Lê Chí T phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn Đ 40(bốn mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2022;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2022.

- Xử phạt bị cáo Phạm Xuân C 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2022.

- Xử phạt bị cáo Lê Chí T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/5/2022.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu C1, Đ1 và 0,155 g chất bột màu trắng ngà của phong bì ký hiệu C1; 0,274 g chất

bột màu trắng đựng 04 gói giấy của phong bì ký hiệu Đ1; 1,123 g chất bột màu trắng đựng trong gói nilon màu xanh của phong bì ký hiệu Đ1. Tất cả đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đ, Lê Văn Tuấn và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T Hóa.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, model CPH2185, màu tím than, số IMEI 1: 866983051971976, số IMEI 2: 866983051971968, gắn thẻ sim số thuê bao 0987649105;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, model Reno4, màu xanh, số IMEI 1: 860577044935639, số IMEI 2: 860577044935621, trên máy có lắp thẻ sim số thuê bao 0967980444;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI, model Redmi 5A, màu vàng – trắng, số IMEI 1: 868616038023465, số IMEI 2: 86616038023473, trên máy có lắp thẻ sim số thuê bao 0971295006;

- Tru thu của bị cáo Phạm Tuấn Đ số tiền 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Phạm Tuấn Đ và Phạm Xuân C; Buộc các bị cáo Phạm Văn T và Lê Chí T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T Hóa;
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh T Hóa;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Sở Tư pháp tỉnh T Hóa;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ.

Lê Ngọc Công